

ĐÀO TẠO LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Nguyễn Đắc Thực¹

Email: luatsuthuc@hotmail.com.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1033

Tóm tắt: “Kỷ nguyên số” là giai đoạn khi công nghệ số, dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), Chuỗi khối (Blockchain) ... được ứng dụng rộng rãi trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội, trong đó có đào tạo luật tại Việt Nam. Đào tạo luật trong kỷ nguyên số không chỉ là yêu cầu của thị trường mà còn là sứ mệnh xã hội, theo đó các cơ sở đào tạo luật cần chủ động cập nhật và đổi mới chương trình học để đáp ứng nhu cầu của thời đại công nghệ số. Đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều hội thảo về đề tài này, tuy nhiên trong bài viết này tác giả muốn làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn công tác đào tạo luật trong kỷ nguyên số tại Việt Nam, đồng thời đưa ra một số kiến nghị về định hướng và giải pháp cho đào tạo luật trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Kỷ nguyên số, đào tạo luật, lý luận, thực tiễn, giải pháp

I. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được xem là đột phá chiến lược của thời đại, đặt nền móng cho mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức và công nghệ. Có thể nói đây là một định hướng, tầm nhìn chiến lược cực kỳ quan trọng, là cơ hội mở để các bộ, ngành, địa phương cụ thể hóa, triển khai, đề xuất những cơ chế, chính sách mới có tính sáng tạo, đột phá để “cởi trói”

cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phát triển là đòn bẩy cho phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo luật trong kỷ nguyên số cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc, là cơ hội và thách thức đối với đào tạo luật tại Việt Nam.

II. Cơ sở lý luận và bối cảnh của đào tạo luật trong kỷ nguyên số

2.1. Khái quát về “kỷ nguyên số” và tác động đến lĩnh vực pháp luật

“Kỷ nguyên số” (Digital era) là giai đoạn khi công nghệ số, dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn

¹ Công ty luật TNHH Minh Thụ

vật (IoT), Chuỗi khối (Blockchain)... được ứng dụng rộng rãi trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội. Trong bối cảnh đó, các hoạt động pháp lý - từ xây dựng, thực thi, áp dụng pháp luật tới đào tạo và nghiên cứu pháp luật - đều chịu ảnh hưởng sâu sắc. Trong lĩnh vực đào tạo luật, sự thay đổi này có thể được nhìn nhận qua hai chiều lớn: (i) thay đổi về nội dung - chương trình đào tạo, kiến thức cần trang bị cho người học luật; (ii) thay đổi về phương thức - cách thức giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá, sử dụng công nghệ số. Ví dụ: việc tra cứu văn bản pháp luật, phân tích chứng cứ, mô phỏng phiên tòa... giờ đây có thể được hỗ trợ bằng phần mềm, mô hình mô phỏng 3D, thực tế ảo/ thực tế tăng cường (AR/VR).

Tại các nước phát triển như Mỹ, Anh, Singapore, trường luật đã tích hợp các môn học liên ngành vào chương trình đào tạo: từ luật và dữ liệu lớn, đạo đức trí tuệ nhân tạo, đến pháp luật về rô bốt tự hành. Tại Việt Nam, dù bước đi còn chậm, một số cơ sở đào tạo luật đã bắt đầu cập nhật chương trình theo hướng tích hợp công nghệ - một xu thế không thể đảo ngược. Luật sư trong thời đại mới không còn là người xử lý thông tin, mà là người diễn giải, tư duy chiến lược và ra quyết định có đạo đức. Họ không chỉ biết luật, mà còn phải hiểu công nghệ, dữ liệu và tác động xã hội của mỗi điều khoản. Điều này cho thấy việc đào tạo luật không chỉ dừng lại ở kiến thức luật truyền thống mà phải mở rộng sang kỹ năng số, công nghệ và tư duy đổi mới.

2.2. Vai trò của đào tạo luật trong kỷ nguyên số

Đào tạo luật có vai trò then chốt trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực pháp

lý có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh số hóa:

- Trang bị cho sinh viên, học viên những kiến thức luật cần thiết, nhưng đồng thời cập nhật các kiến thức mới về công nghệ, dữ liệu, luật số, kinh tế số.

- Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp (tra cứu văn bản pháp luật, phân tích, tổng hợp, lập luận, tranh tụng) phải thích ứng với công nghệ mới và môi trường pháp lý phức tạp hơn.

- Định hướng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm của người hành nghề luật trong môi trường số - nơi dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, an ninh mạng, công nghệ định đoạt rất quan trọng.

- Gắn kết đào tạo với thực tiễn nghề luật số hóa: văn phòng luật số, tư vấn pháp lý trực tuyến, dịch vụ pháp lý công nghệ (legaltech).

Do đó, việc đổi mới đào tạo luật trong kỷ nguyên số là không thể chậm trễ nếu muốn đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực pháp lý đáp ứng yêu cầu phát triển.

2.3. Cơ sở lý luận của đào tạo luật trong kỷ nguyên số

Cơ sở lý luận quan trọng của đào tạo luật hiện đại là lý thuyết đào tạo theo năng lực (competency-based training) và tiếp cận chuẩn đầu ra (output standard approach).

Chuẩn đầu ra (Learning Outcomes): Trong bối cảnh số, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo luật cần không chỉ là “hiểu biết luật”, “vận dụng luật”, mà cần thêm “nhận biết và sử dụng công nghệ số trong thực hành pháp lý”, “khả năng phân tích dữ liệu pháp lý”, “khả năng tương tác số và ứng dụng công cụ số”.

Kiến thức liên ngành: Việc đào tạo luật số đòi hỏi mở rộng hợp tác với các

ngành công nghệ thông tin, kinh tế số, quản trị dữ liệu, an toàn thông tin... Điều này đặt ra yêu cầu lý luận về mô hình đào tạo liên ngành - không chỉ đào tạo “luật thuần túy”.

Phương pháp giảng dạy - học tập: Lý luận về đào tạo phải xem xét các phương pháp hiện đại như học tập kết hợp (blended-learning), học tập qua mô phỏng, học trực tuyến, trải nghiệm thực hành ảo và thực.

Đánh giá và đảm bảo chất lượng: Trong môi trường số, việc đánh giá học tập, kiểm tra trực tuyến, quản lý học liệu số, bảo đảm an toàn dữ liệu học tập là các vấn đề lý luận mới cần đưa vào cơ sở dữ liệu khoa học.

Đạo đức nghề luật và trách nhiệm số: Khi công nghệ số và dữ liệu trở thành yếu tố quyết định, người hành nghề luật cần có nhận thức cao về đạo đức số, quyền riêng tư, bảo mật thông tin, trách nhiệm xã hội - các vấn đề này cần được lồng vào chương trình đào tạo luật như thành phần không thể thiếu.

III. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng kết hợp phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp và phương pháp so sánh. Theo đó, dữ liệu thứ cấp được thu thập bao gồm các Nghị quyết của Bộ chính trị, Chính sách của Đảng và Nhà nước, các đề tài nghiên cứu, các bài báo khoa học liên quan đến chủ đề nghiên cứu, đặc biệt là vấn đề lý luận và thực tiễn đào tạo luật trong kỷ nguyên số. Các vấn đề lý luận và thực tiễn về đào tạo luật trong kỷ nguyên số sau khi được thu thập sẽ được phân tích, đối chiếu, so sánh với nước phát triển trên thế giới nhằm đưa ra những kiến nghị chiến lược và giải pháp cho đào tạo luật trong kỷ nguyên số tại Việt Nam.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng, cơ hội và thách thức đối với đào tạo luật trong kỷ nguyên số tại Việt Nam

4.1.1. Thực trạng

Nhiều nghiên cứu và thực tiễn cho thấy đào tạo luật đang bước vào giai đoạn chuyển đổi số, các cơ sở đào tạo luật đã chủ động cập nhật và đổi mới chương trình học để đáp ứng nhu cầu của thời đại công nghệ số nhưng vẫn còn một số hạn chế đáng lưu ý:

- Các chương trình đào tạo đã bắt đầu cập nhật nhưng với mức độ khác nhau giữa các cơ sở đào tạo, chẳng hạn như Trường Đại học Luật Hà Nội với học phần “Fintech Law” (02 tín chỉ) trong chương trình đào tạo cử nhân hệ chất lượng cao ngành Luật kinh tế năm học 2023-2024; Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh với học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành luật” (02 tín chỉ bắt buộc) và “Pháp luật và nền kinh tế số” (02 tín chỉ tự chọn) trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế; Trường Đại học Kinh tế Tài chính với học phần “Nhập môn chuyển đổi số” (03 tín chỉ tự chọn) trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế năm 2024, v.v. (Nguyễn & Đỗ, 2025)

- Tài nguyên công nghệ, học liệu số, cơ sở vật chất cho đào tạo luật còn chưa đồng đều giữa các trường, đặc biệt ở các vùng miền khác nhau, dẫn đến sự khác biệt lớn giữa các trường top đầu (như ĐH Luật Hà Nội, ĐH Luật TP.HCM) có đầu tư mạnh về công nghệ, thư viện số, phòng học hiện đại và các trường địa phương, trường tư thục có nguồn lực hạn chế, thiếu hụt học liệu số chuyên ngành, thiết bị công nghệ lạc hậu, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh của sinh viên.

- Đội ngũ giảng viên chuyên sâu về công nghệ số kết hợp với pháp luật còn mỏng; nhiều giảng viên chỉ áp dụng phương pháp đào tạo luật truyền thống, chưa có đủ kỹ năng chuyển đổi số. Khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo cuối năm 2022 cho thấy, một tỷ lệ đáng kể giảng viên vẫn chưa thành thạo việc thiết kế bài giảng e-learning, tương tác trực tuyến với sinh viên, hay khai thác dữ liệu học tập để cải tiến giảng dạy.

- Phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá trong đào tạo luật vẫn còn định hướng truyền thống, việc số hóa ở mức độ cơ bản đã được triển khai trong đào tạo cử nhân luật, thạc sĩ luật chẳng hạn như việc ứng dụng giảng dạy thông qua ứng dụng Zoom, Microsoft Teams, Google Meet, Elearning, quản lý học tập thông qua hệ thống LMS (Learning Management System), sử dụng hệ thống tài liệu, dữ liệu thực tế được số hóa trong giảng dạy và học tập (thư viện số, bản án, án lệ hậu mã hóa...)

- Vấn đề bảo đảm an toàn số (data security), quyền tác giả, bảo vệ thông tin cá nhân trong đào tạo trực tuyến, học liệu số... đang đặt ra nhưng chưa có giải pháp đồng bộ.

4.1.2. Cơ hội

Mặc dù còn nhiều hạn chế, nhưng đào tạo luật trong kỷ nguyên số tại Việt Nam đang có nhiều cơ hội để thay đổi:

- Sự thúc đẩy từ phía Nhà nước: Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, kinh tế số, xã hội số - điều này làm tăng tính cấp thiết và tính ưu tiên cho đào tạo nguồn nhân lực pháp lý trong kỷ nguyên số.

- Nhu cầu thị trường lớn: Doanh nghiệp công nghệ, thương mại điện tử, công nghệ tài chính, bảo mật dữ liệu đang

phát triển mạnh, do đó nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý có kiến thức số và công nghệ ngày càng tăng.

- Công nghệ hỗ trợ đào tạo ngày càng phổ biến và chi phí giảm: Việc triển khai đào tạo trực tuyến, học phần mô phỏng, thư viện số, quản lý học tập trực tuyến đã trở nên khả thi và hiệu quả hơn.

- Cơ hội hợp tác quốc tế và mở rộng đào tạo liên kết: Các trường luật ở Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm quốc tế, liên kết với các chương trình đào tạo, nghiên cứu về luật số và công nghệ.

4.1.3. Thách thức

Bên cạnh cơ hội, đào tạo luật trong kỷ nguyên số tại Việt Nam còn gặp nhiều thách thức, cụ thể:

- Tốc độ thay đổi công nghệ rất nhanh, nhưng chương trình đào tạo, khung chương trình, giáo trình thường cập nhật chậm - dẫn đến nguy cơ “lỗi thời” so với thực tiễn nghề.

- Việc kết hợp giữa luật và công nghệ đòi hỏi đội ngũ giảng viên có kiến thức đa ngành, nhưng nguồn nhân lực này hiện chưa đáp ứng được về chất và lượng.

- Đầu tư cơ sở vật chất, học liệu số, phần mềm quản lý học tập, mô phỏng, thư viện số yêu cầu kinh phí lớn và sự cam kết lâu dài.

- Hệ thống kiểm tra, đánh giá, đảm bảo chất lượng đào tạo trong môi trường số đặt ra các vấn đề mới: bảo mật dữ liệu, quyền tác giả, chống gian lận trong học trực tuyến, đánh giá kỹ năng số, thực hành số.

- Sinh viên, người học luật có thể thiếu kỹ năng số, kỹ năng công nghệ, tư duy đổi mới - nếu đào tạo còn giữ nguyên cách tiếp cận truyền thống thì khó đáp ứng yêu cầu mới.

- Sự phân hóa giữa các cơ sở đào tạo (giữa trường lớn, trường thứ cấp; giữa các vùng miền) có thể dẫn đến khoảng cách lớn về chất lượng đào tạo luật số.

4.2. Kiến nghị về định hướng và giải pháp cho đào tạo luật trong kỷ nguyên số

Dựa trên lý luận và thực trạng đã phân tích, tôi xin đề xuất một số kiến nghị chiến lược và giải pháp cụ thể như sau:

4.2.1. Định hướng chiến lược

a) Hoạch định chương trình đào tạo luật hướng tới “luật - công nghệ - số”

- Cần xây dựng khung chương trình đào tạo ngành luật, chương trình cử nhân và thạc sĩ có tích hợp môn học về luật số, công nghệ thông tin trong luật, dữ liệu lớn và pháp luật, trí tuệ nhân tạo và pháp luật, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu...

- Cần xác định rõ chuẩn đầu ra mới: Ngoài kiến thức pháp luật truyền thống, người học cần có năng lực số, khả năng phân tích dữ liệu, sử dụng công cụ số, kỹ năng thực hành trong môi trường số.

- Sử dụng công nghệ mô phỏng, AR/VR, mô hình thực tế ảo phiên tòa, phân tích tình huống dữ liệu lớn, hackathon pháp lý số, để tăng trải nghiệm thực hành cho sinh viên.

- Đào tạo giảng viên nâng cao năng lực số: tổ chức tập huấn, workshop về công nghệ số, phân tích dữ liệu, công cụ hỗ trợ giảng dạy, thiết kế học liệu số, phương pháp đánh giá trực tuyến và an toàn số.

b) Về kiểm tra, đánh giá và quản lý chất lượng

- Xây dựng hệ thống kiểm tra đánh giá linh hoạt: bài tập dự án số, mô phỏng, thảo luận trực tuyến, phản biện số, thay vì chỉ trắc nghiệm hoặc giấy viết truyền thống.

- Đảm bảo an toàn dữ liệu học tập, bảo mật học liệu, chống gian lận trong kiểm tra trực tuyến - đây là vấn đề đặt ra cho đào tạo luật trong kỷ nguyên số.

- Áp dụng chỉ số đánh giá chất lượng đào tạo mới: tỷ lệ sinh viên tham gia thực tập số, sử dụng công cụ số trong học tập, năng lực số đầu ra, tỷ lệ việc làm liên quan đến pháp luật và công nghệ.

c) Về hợp tác và liên kết với thực tiễn

- Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường - doanh nghiệp - cơ quan quản lý với mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn số.

- Khuyến khích sinh viên tham gia thực tập, dự án, nghiên cứu ứng dụng liên quan tới công nghệ số và pháp luật. Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ pháp lý, dịch vụ pháp lý số.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo về luật và công nghệ, kinh tế số, quyền số, để sinh viên - giảng viên - chuyên gia trao đổi, cập nhật liên tục.

d) Về chính sách và cơ sở hạ tầng

- Nhà nước và các cơ quan quản lý cần ban hành chính sách, chuẩn đầu ra, tiêu chí đánh giá phù hợp với đào tạo luật trong kỷ nguyên số; tài trợ cho các dự án đổi mới đào tạo luật số.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng: hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý học tập, thư viện số, cơ sở mô phỏng thực tế ảo, dữ liệu pháp lý mở.

- Cần có lộ trình đảm bảo bình đẳng tiếp cận công nghệ giữa các vùng miền và trường lớn - trường nhỏ, để đảm bảo không tạo ra “điểm nghẽn số” trong đào tạo luật.

4.2.2. Kiến nghị

a) Xây dựng mô hình đào tạo liên ngành và hợp tác quốc tế

- Hợp tác giữa khoa luật với khoa công nghệ thông tin, khoa kinh tế số, khoa quản trị kinh doanh để tạo ra chương trình liên ngành - ví dụ: “Luật và công nghệ số”, “Luật kinh tế số”.

- Liên kết với các trường đại học, tổ chức đào tạo quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, trao đổi giảng viên, xây dựng chương trình tiên tiến, đồng cấp bằng hoặc thừa nhận tín chỉ quốc tế.

b) Tăng cường thực hành nghề luật số

- Tạo ra các mô hình “luật số”, “legaltech lab”, nơi sinh viên được thực hành dưới môi trường số: mô phỏng phiên tòa ảo, phân tích dữ liệu pháp lý, thực hiện hợp đồng thông minh, thực hiện dịch vụ tư vấn trực tuyến.

- Gắn kết với doanh nghiệp, công ty công nghệ, văn phòng luật chuyên về số hóa để thực tập, nghiên cứu, học hỏi thực tiễn.

c) Đảm bảo bình đẳng và chất lượng đào tạo

- Quan tâm tới việc cung cấp công nghệ và học liệu số cho các cơ sở đào tạo ngoài vùng trung tâm, nhằm giảm khoảng cách giữa cơ sở đào tạo lớn và nhỏ.

- Xây dựng cơ chế đảm bảo chất lượng đào tạo luật số: chuẩn kiểm định, giám sát, đánh giá theo đúng chuẩn số mới, theo dõi hiệu quả đào tạo, đầu ra ra nghề nghiệp.

4.2.3. Giải pháp

a) Về nội dung và chương trình đào tạo

- Rà soát và cập nhật chương trình đào tạo hiện hành để bổ sung các học phần liên quan đến công nghệ, dữ liệu, pháp luật số. Ví dụ: môn “Pháp luật và nền kinh tế số”, “Ứng dụng công nghệ thông tin

trong ngành luật” đã được một số trường đưa vào giảng dạy.

- Thiết kế học phần linh hoạt cho phép người học chọn môn tự chọn liên ngành về công nghệ số, hợp đồng thông minh, an ninh mạng trong kinh doanh số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, nền tảng số và quản trị rủi ro pháp lý trong môi trường số.

- Xây dựng bộ giáo trình, tài liệu học liệu số, thư viện số chuyên ngành luật - công nghệ, cập nhật thường xuyên để theo kịp xu hướng quốc tế.

b) Về phương pháp giảng dạy và học tập

- Áp dụng mô hình học tập kết hợp (blended learning): kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp, sử dụng nền tảng LMS, video bài giảng, diễn đàn thảo luận trực tuyến, mô phỏng số.

- Việc đổi mới đào tạo luật trong kỷ nguyên số phải được thực hiện một cách toàn diện và đồng bộ: từ chương trình, giáo trình, phương pháp, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tới kiểm tra đánh giá và chất lượng đầu ra. Không thể chỉ thay đổi một phần nhỏ rồi mong kết quả lớn.

- Cần thận trọng trong việc ứng dụng công nghệ: công nghệ là công cụ hỗ trợ, không thay thế hoàn toàn yếu tố con người - đặc biệt trong nghề luật, nơi yếu tố đạo đức, bản lĩnh, kinh nghiệm, lý luận vẫn rất quan trọng.

- Quá trình cập nhật phải là liên tục: công nghệ thay đổi rất nhanh, nội dung đào tạo phải được rà soát, cập nhật định kỳ để không bị lạc hậu.

- Khi triển khai học trực tuyến, mô phỏng, số hóa học liệu - cần lưu ý vấn đề an toàn số, quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền tác giả học liệu. Đây

không phải phụ, mà là vấn đề cốt lõi trong môi trường số.

- Cần đo lường kết quả: không chỉ là đưa học phần mới vào chương trình mà phải đánh giá rõ hiệu quả: sinh viên ra trường làm gì, sử dụng công nghệ số như thế nào, doanh nghiệp có hài lòng không, có đáp ứng được yêu cầu nghề luật số hóa hay không.

V. Kết luận

Trong kỷ nguyên số, đào tạo luật không chỉ là một thách thức mà còn là cơ hội để cải cách và đổi mới, chúng ta cần chuẩn bị người học tiếp cận được với công nghệ, dữ liệu, môi trường số và có năng lực đổi mới, thích ứng nhanh với sự biến chuyển của thực tiễn pháp lý và nghề luật. Việt Nam có những cơ hội rất lớn để nâng cao chất lượng đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số - từ nhu cầu thị trường, từ sự hỗ trợ của công nghệ, từ định hướng quốc gia về kinh tế số và xã hội số.

Các cơ sở đào tạo cần nhanh chóng thích ứng với những thay đổi này để đảm bảo rằng sinh viên luật có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong thời đại số. Việc xây dựng chương trình đào tạo linh hoạt và hiện đại sẽ là chìa khóa để phát triển nguồn nhân lực ngành luật bền vững trong tương lai. Với sự hợp lực từ Nhà nước, các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và chính người học - cùng với những giải pháp đã đề xuất - chúng ta có thể xây dựng được một hệ thống đào tạo luật trong “thời đại số” chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng nhu cầu xã hội và phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

[1]. AI First. (2025). *Khám phá công nghệ VR và AR: Tương lai của trải nghiệm số*. <https://aifirst.vn/cong-nghe-vr-va-ar>.

- [2]. Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- [3]. Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- [4]. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2025). *Luật chuyển đổi số: Trụ cột thể chế mới cho quốc gia số, kiến tạo đột phá trong chính phủ số - kinh tế số - xã hội số*. <https://mst.gov.vn/luat-chuyen-doi-so-tru-cot-the-che-moi-cho-quoc-gia-so-kien-cao-dot-pha-trong-chinh-phu-so-kinh-te-so-xa-hoi-so-1972512051648223.htm>.
- [5]. Đào, M. H. (n.d.). Vai trò của việc xây dựng khung năng lực số cho sinh viên ngành luật trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam.
- [6]. Lê, V. B. (n.d.). Đào tạo luật trong điều kiện số hóa: Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn.
- [7]. Nguyễn, Đ. T. (2025). Chuyển đổi số trong đào tạo ngành luật trình độ đại học tại Việt Nam - Thực trạng và một số giải pháp.
- [8]. Nguyễn, T. T. H., & Đỗ, T. D. L. (2025). Đào tạo cử nhân luật trong bối cảnh phát triển công nghệ số. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/dao-tao-cu-nhan-luat-trong-boi-can-phat-trien-cong-nghe-so-a164255.html>.
- [9]. Vũ, Đ. L. (2025). Ngành luật trong thời AI: Mất chỗ đứng hay mở ra một kỷ nguyên mới?. *Tạp chí Khoa học phổ thông*. <https://khoaahocphothong.vn/nganh-luat-trong-thoi-ai-mat-cho-dung-hay-mo-ra-mot-ky-nguyen-moi-260011.html>.

LAW TRAINING IN THE DIGITAL AGE: SOME THEORETICAL AND PRACTICAL ISSUES

Nguyen Dac Thuc¹

Abstract: *The ‘digital era’ is the period when digital technology, big data, artificial intelligence (AI), the Internet of Things (IoT), blockchain, and so on are widely applied in almost all areas of life, economy, and society, including legal education in Vietnam. Legal education in the digital era is not only a market demand but also a social mission, requiring law training institutions to proactively update and innovate their curricula to meet the needs of the digital age. There have been many research studies and conferences on this topic; however, in this article, the author aims to clarify theoretical and practical issues in legal education in the digital era in Vietnam, while also providing recommendations on directions and solutions for legal education in this era.*

Keywords: *digital age, legal education, theory, practice, solutions*

¹ Minh Thu Laws